

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý IV/2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Nha Trang đào tạo tại Trường Đại học Kiên Giang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 162 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 12 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
1	Ngôn ngữ Anh	-	-	06	18	22
2	Công nghệ thực phẩm	-	10	04	42	56
3	Kế toán	03	01	03	35	42
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	01	08	09
5	Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	09	09
6	Kỹ thuật xây dựng	-	-	07	17	24

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 2013 - 2016	K56 2014 - 2017	Cộng
1	Công nghệ thực phẩm	05	07	12

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2018

Theo Quyết định số 1291/QĐ-ĐHNT ngày 25/10/2018

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55238186	Hoàng Thị Ngọc Diệp	07/08/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55NNA	2013-2017
2	55238218	Bùi Dương Ngọc	15/07/1995	An Giang	Nữ	TB Khá	55NNA	2013-2017
3	55238184	Lê Thị Mỹ Nhân	08/08/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55NNA	2013-2017
4	55238189	Hà Thành Thái	15/10/1995	Kiên Giang	Nam	Khá	55NNA	2013-2017
5	55238190	Âu Phương Thùy	25/12/1994	Kiên Giang	Nữ	Trung bình	55NNA	2013-2017
6	55238191	Nguyễn Dương Phương Uyên	29/06/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55NNA	2013-2017
7	56238098	Hà Kiều Anh	15/07/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56NNA	2014-2018
8	56238092	Huỳnh Lâm Đắc	28/12/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56NNA	2014-2018
9	56238091	Huỳnh Đăng Bảo Hà	25/10/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56NNA	2014-2018
10	56238099	Nguyễn Thị Hải Nghi	16/11/1995	Kiên Giang	Nữ	Khá	56NNA	2014-2018
11	56238093	Lý Kim Ngọc	25/05/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56NNA	2014-2018
12	56238094	Trần Thanh Nhi	22/04/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56NNA	2014-2018
13	56238097	Nguyễn Đức Phúc	16/06/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56NNA	2014-2018
14	56238173	Nguyễn Hoàng Nam Phương	03/07/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56NNA	2014-2018
15	56238178	Nguyễn Thanh Quân	09/09/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56NNA	2014-2018
16	56238095	Quách Kiến Quang	12/08/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56NNA	2014-2018
17	56238163	Biện Phương Quang	24/06/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56NNA	2014-2018
18	56238011	Mai Thảo Quỳnh	12/09/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56NNA	2014-2018
19	56238040	Võ Phương Thảo	04/04/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56NNA	2014-2018
20	56238090	Mai Cẩm Tiên	03/07/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56NNA	2014-2018
21	56238145	Lê Thị Thùy Trang	05/10/1996	Cần Thơ	Nữ	TB Khá	56NNA	2014-2018
22	56238177	Nguyễn Lâm Trúc	01/01/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56NNA	2014-2018

Danh sách có 22 sinh viên

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54238088	Trần Văn Cươl	25/02/1993	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
2	54238042	Nguyễn Ngọc Hải Dương	18/02/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
3	54238057	Đỗ Thái Đăng	08/08/1992	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
4	54238079	Hoàng Kim Hải	01/10/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
5	54238089	Danh Sĩ Hòa	28/01/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
6	54238058	Nguyễn Ngọc Huyền	06/05/1994	Kiên Giang	Nữ	Khá	54TP	2012-2016
7	54238061	Danh Xà Ru	14/03/1991	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
8	54238047	Nguyễn Minh Sang	03/05/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016
9	54238048	Phan Trần Huy Thạch	17/07/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54TP	2012-2016

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
10	54238067	Tuyền	20/10/1993	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	54TP	2012-2016
11	55238007	Biểu	08/01/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	55TP	2013-2017
12	55238022	Mỹ	04/09/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55TP	2013-2017
13	55238249	Nguyên	08/08/1992	Kiên Giang	Nam	TB Khá	55TP	2013-2017
14	55238266	Tiến	19/10/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55TP	2013-2017
15	56238019	Ái	28/11/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018
16	56238022	Ân	16/09/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
17	56238128	Bảo	01/10/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56TP	2014-2018
18	56238127	Bích	30/12/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
19	56238135	Chi	03/08/1995	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
20	56238141	Chinh	10/06/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018
21	56238146	Dung	02/11/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
22	56238193	Duyên	21/07/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
23	56238121	Đài	23/07/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
24	56238122	Giang	01/02/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56TP	2014-2018
25	56238192	Giàu	20/01/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
26	56238116	Hải	01/07/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
27	56238199	Hồng	23/11/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
28	56238176	Hường	03/06/1996	Tiền Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
29	56238139	Huyền	07/07/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018
30	56238068	Lành	10/08/1995	Kiên Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
31	56238170	Liên	01/03/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
32	56238191	Linh	01/03/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
33	56238150	Nhan	08/04/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
34	56238175	Nhân	16/12/1996	Tiền Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
35	56238148	Nhạn	10/01/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
36	56238154	Nhi	08/05/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
37	56238143	Nhung	15/06/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
38	56238133	Phú	05/09/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56TP	2014-2018
39	56238124	Phượng	09/03/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018
40	56238130	Tài	25/02/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
41	56238129	Thành	08/05/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
42	56238125	Thành	21/11/1996	Gia Lai	Nam	TB Khá	56TP	2014-2018
43	56238140	Thoa	06/01/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018
44	56238155	Thư	02/09/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
45	56238134	Thư	20/11/1996	Kiên Giang	Nữ	Giỏi	56TP	2014-2018
46	56238158	Thủy	29/12/1996	Kiên Giang	Nữ	Giỏi	56TP	2014-2018

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
47	56238171	Trần Minh Tiến	07/01/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56TP	2014-2018
48	56238151	Vương Mỹ Trâm	18/01/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
49	56238123	Hà Nguyễn Ngọc Trâm	27/11/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
50	56238153	Lê Kiều Trang	16/07/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
51	56238142	Nguyễn Thu Trang	30/10/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
52	56238152	Trần Văn Trường	06/04/1995	Kiên Giang	Nam	Khá	56TP	2014-2018
53	56238136	Nguyễn Thị Truyền	16/04/1993	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018
54	56238149	Phạm Thị Khánh Vàng	11/01/1996	Kiên Giang	Nữ	Giỏi	56TP	2014-2018
55	56238147	Lê Thị Khánh Xuân	15/06/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56TP	2014-2018
56	56238017	Nguyễn Thị Thanh Xuân	26/04/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56TP	2014-2018

Danh sách có 56 sinh viên

3. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53238032	Danh Qui Anh	27/04/1992	Kiên Giang	Nam	Trung bình	53KT	2011-2015
2	53238064	Danh Thành Được	26/06/1993	Kiên Giang	Nam	TB Khá	53KT	2011-2015
3	53238034	Võ Thị Ngọc Giàu	14/07/1993	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	53KT	2011-2015
4	54238022	Bùi Anh Thoại	06/03/1993	Kiên Giang	Nam	TB Khá	54KT	2012-2016
5	55238067	Trương Hồng Cúc	13/04/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55KT	2013-2017
6	55238091	Nguyễn Hoàng Kha My	13/09/1995	Bạc Liêu	Nữ	Trung bình	55KT	2013-2017
7	55238095	Phạm Hoài Nhân	28/02/1994	Kiên Giang	Nam	Trung bình	55KT	2013-2017
8	56238035	Nguyễn Ngọc An	02/02/1995	An Giang	Nam	TB Khá	56KT	2014-2018
9	56238032	Nguyễn Thị Lan Chi	20/05/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
10	56238036	Thị Ngọc Cúc	18/08/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
11	56238043	Lê Ngọc Diễm	18/08/1995	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
12	56238044	Ngô Huỳnh Đức	30/09/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56KT	2014-2018
13	56238038	Thái Hồng Hạc	15/05/1995	Kiên Giang	Nam	Khá	56KT	2014-2018
14	56238026	Lê Thị Ngọc Hân	10/02/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
15	56238030	Võ Anh Hào	10/10/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56KT	2014-2018
16	56238024	Đoàn Thị Thanh Hiền	12/06/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
17	56238047	Lê Thị Thu Hiền	20/09/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
18	56238057	Cao Ngọc Hương	15/04/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
19	56238061	Nguyễn Thị Minh Huyền	06/03/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
20	56238184	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	23/11/1996	Kiên giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
21	56238055	Lê Trần Mai Khanh	30/06/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
22	56238064	Lê Thị Ngọc Linh	04/03/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
23	56238054	Bùi Thị Mỹ Loan	22/11/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
24	56238045	Hà Đại Lượng	28/10/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56KT	2014-2018

3. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
25	56238060	Nguyễn Thị Anh Mai	17/12/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
26	56238169	Vũ Thị Ngân	23/02/1995	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
27	56238062	Lưu Mỹ Nghiến	22/12/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
28	56238039	Lâm Thảo Nguyên	07/07/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
29	56238053	Hồ Thảo Nguyên	02/02/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
30	56238034	Phan Lý Gia Phi	19/05/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56KT	2014-2018
31	56238049	Trần Đăng Giang Phú	12/09/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56KT	2014-2018
32	56238029	Lâm Bích Quyên	06/11/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
33	56238041	Nguyễn Đoàn Tú Quyên	16/11/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
34	56238037	Trần Cao Siêu	02/11/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
35	56238198	Nguyễn Thị Diễm Thúy	09/10/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
36	56238042	Nguyễn Thị Diễm Tiên	27/11/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
37	56238185	Nguyễn Đức Tín	10/02/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56KT	2014-2018
38	56238023	Võ Thị Mỹ Tính	24/08/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018
39	56238046	Trương Vĩnh Trí	07/06/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56KT	2014-2018
40	56238205	Nguyễn Thị Tư	27/07/1995	Thanh Hóa	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
41	56238028	Đinh Thị Thanh Tuyền	04/08/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56KT	2014-2018
42	56238059	Nguyễn Tường Vi	13/03/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56KT	2014-2018

Danh sách có 42 sinh viên

4. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55238200	Huỳnh Thị Kim Quyên	28/09/1995	Kiên Giang	Nữ	Khá	55QTDL	2013-2017
2	56238162	Trương Mỹ Hồng Diễm	08/02/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56QTDL	2014-2018
3	56238183	Bùi Thị Ngọc Diệp	29/08/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56QTDL	2014-2018
4	56238182	Lê Hoài Hận	27/12/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56QTDL	2014-2018
5	56238013	Phan Thị Cẩm Linh	17/02/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56QTDL	2014-2018
6	56238003	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	20/10/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56QTDL	2014-2018
7	56238027	Bùi Thị Thanh Nhi	25/09/1996	Cần Thơ	Nữ	TB Khá	56QTDL	2014-2018
8	56238009	Nguyễn Thị Thanh Tra	24/06/1993	Quảng Ngãi	Nữ	TB Khá	56QTDL	2014-2018
9	56238007	Đặng Ngọc Tú	08/07/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	56QTDL	2014-2018

Danh sách có 09 sinh viên

5. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56238104	Nguyễn Đức Dương	21/02/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56NT	2014-2018
2	56238020	Lê Hồng Đào	04/09/1996	Tiền Giang	Nữ	Giỏi	56NT	2014-2018
3	56238108	Lê Thạch Lý Em	26/12/1996	Cà Mau	Nam	TB Khá	56NT	2014-2018
4	56238106	Trần Hồng Hải	19/04/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56NT	2014-2018

5. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
5	56238111	Phạm Thị Lan	10/02/1996	Kiên Giang	Nữ	Khá	56NT	2014-2018
6	56238105	Lê Trọng Nguyễn	23/04/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56NT	2014-2018
7	56238189	Cao Thành Nhân	19/07/1996	Bến Tre	Nam	TB Khá	56NT	2014-2018
8	56238190	Huỳnh Chí Thiện	11/05/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56NT	2014-2018
9	56238107	Lê Quang Tú	16/02/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56NT	2014-2018

Danh sách có 09 sinh viên

6. Kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55238131	Trần Thanh Hiền	08/03/1995	Kiên Giang	Nam	Trung bình	55XD	2013-2017
2	55238224	Dương Đăng Khoa	15/11/1994	Kiên Giang	Nam	Trung bình	55XD	2013-2017
3	55238135	Nguyễn Thị Ngọc Linh	29/11/1994	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	55XD	2013-2017
4	55238145	Phan Minh Nhật	10/12/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	55XD	2013-2017
5	55238152	Bùi Duy Tân	08/03/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	55XD	2013-2017
6	55238162	Phan Thành Tín	19/11/1994	Kiên Giang	Nam	Trung bình	55XD	2013-2017
7	55238166	Nguyễn Quốc Trí	06/07/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	55XD	2013-2017
8	56238070	Lưu Thanh Bình	15/04/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
9	56238069	Trần Phước Du	30/07/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
10	56238078	Nguyễn Văn Quang Hạ	17/05/1996	Kiên Giang	Nam	Khá	56XD	2014-2018
11	56238080	Trương Trần Việt Hòa	04/06/1991	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
12	56238084	Nguyễn Tân Khoa	16/05/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
13	56238077	Nguyễn Huỳnh Nam	07/08/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
14	56238079	Lý Văn Nhí	01/01/1995	Kiên Giang	Nam	Khá	56XD	2014-2018
15	56238081	Trần Thanh Sơn	25/08/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
16	56238074	Lê Minh Tân	17/08/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
17	56238187	Vũ Công Thành	20/11/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
18	56238082	Chương Bình Thạnh	07/10/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
19	56238065	Trần Trung Tiến	13/07/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
20	56238086	Nguyễn Hoàng Tiến	07/07/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
21	56238066	Phạm Minh Trí	18/10/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
22	56238088	Lý Thanh Vĩ	24/08/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
23	56238075	Phan Huỳnh Anh Vũ	12/03/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	56XD	2014-2018
24	56238085	Trương Đức Xuyên	26/04/1992	Kiên Giang	Nam	Giỏi	56XD	2014-2018

Danh sách có 24 sinh viên



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ IV NĂM 2018

Theo Quyết định số 1274 /QĐ-ĐHNT ngày 25/10/2018

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55268039	Trần Minh Khôi	03/05/1994	Kiên Giang	Nam	TB Khá	CTP55	2013-2016
2	55268006	Nguy Thành Mong	12/06/1995	Kiên Giang	Nam	TB Khá	CTP55	2013-2016
3	55268034	Phạm Kim Thoa	26/05/1994	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP55	2013-2016
4	55268031	Nguyễn Thanh Thuận	01/02/1995	Kiên Giang	Nam	Khá	CTP55	2013-2016
5	55268012	Danh ThuroL	01/08/1993	Kiên Giang	Nam	Trung bình	CTP55	2013-2016
6	56268024	Thị Đa	13/03/1994	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP56	2014-2017
7	56268016	Tổng thị Kim Hương	24/03/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP56	2014-2017
8	56268013	Trần Thị Nhân	11/03/1994	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP56	2014-2017
9	56268014	Lâm Thị Tuyết Nhung	25/06/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP56	2014-2017
10	56268025	Vũ Văn Thế	13/11/1996	Kiên Giang	Nam	TB Khá	CTP56	2014-2017
11	56268007	Trần Thị Thúy	10/09/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP56	2014-2017
12	56268017	Hà Cẩm Trinh	13/10/1996	Kiên Giang	Nữ	TB Khá	CTP56	2014-2017

Danh sách có 12 sinh viên